

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ LỘC  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đức Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Ngọc.

Bà Hà Thị Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền Thương, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Trang, là kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; tạm trú: thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Anh T, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị T và anh T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị T và anh Hoàng Anh T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và cách nuôi dạy

con. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Lời khai của bị đơn anh Hoàng Anh T trình bày: Anh T và chị T xác lập quan hệ vợ chồng đúng như chị T đã trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng theo anh T có thể là do anh là bộ đội đóng quân xa nhà, tại tỉnh Thái Nguyên nên hạn chế về thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con. Từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, chị T đã chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Anh T và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, động viên để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đến nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Chị T và anh T thống nhất có một con chung tên là Hoàng Gia K, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017, hiện nay cháu K đang sống cùng bố và gia đình bên nội. Chị T, anh T không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và đều không yêu cầu nhau phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị T và anh T thống nhất là không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị T và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị T và anh T kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị T và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dạy con chung. Bản thân chị T, anh T và hai bên gia đình có nhiều hành động với mục đích để anh chị đoàn tụ nhưng không có kết quả. Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Chị T, anh T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020, không còn quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau. Chị T, anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị T ly hôn anh T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị T và anh T có một con chung tên là Hoàng Gia K, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017. Sau khi ly hôn, chị T và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Chị T, anh T đều là người có năng lực hành vi dân sự, có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên, do tính chất công việc của anh T là bộ đội chuyên nghiệp nên không có nhiều thời gian trông nom, chăm sóc con nên cháu K giao cho mẹ là chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng cho con: Chị T là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T và anh T có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1 khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Hoàng Anh T.

2. Về nuôi con: Buộc anh Hoàng Anh T phải có nghĩa vụ giao con chung là Hoàng Gia K, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T không phải cấp dưỡng cho con chưa thành niên Hoàng Gia K.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn mà chị T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số AA/2017/0001550 ngày 22 tháng 10 năm 2020, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Trần Đức Cường**